

**CÔNG TY
CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH
FIDITOURIST**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

 **Crowe Horwath™**

Công ty Kiểm toán DTL
Thành viên Crowe Horwath International



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	1 - 2
Báo cáo kiểm toán	3
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010	4 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 21

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) hân hạnh trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

1. Các thông tin chung

Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist được thành lập theo Quyết định số 4966/QĐ-UB ngày 07 tháng 10 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005, và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần gần đây nhất vào ngày 04 tháng 07 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính Công ty đặt tại 127-129-12A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.545.000.000 đồng.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế, môi giới vận tải, kinh doanh vận chuyển khách theo hợp đồng bằng ô tô, đại lý đối ngoại tệ, kinh doanh lưu trú du lịch, đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy, cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà làm việc, dịch vụ quảng cáo, dịch vụ môi giới bất động sản, kinh doanh vũ trường và massage, thiết kế tạo mẫu, kinh doanh nhà ở, quản lý dự án công trình công nghiệp, dân dụng, dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ dịch vụ mang tính pháp lý), tư vấn du học, đào tạo dạy nghề, đại lý bảo hiểm, đại lý vận chuyển hàng hóa, mua bán mỹ phẩm, dịch vụ chăm sóc da (trừ các hoạt động dịch vụ gây chảy máu, xông hơi, xoa bóp). Cung cấp thông tin lên mạng internet.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Việt Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Văn An	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Thiện Tánh	Ủy viên
Ông Đặng Trung Nghĩa	Ủy viên
Ông Bùi Tấn Tài	Ủy viên
Ông Huỳnh Bá Lân	Ủy viên
Bà Thái Diệu Hà	Ủy viên

Danh sách các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Thiện Tánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Trung Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc

3. Tình hình kinh doanh năm 2010

Các số liệu về tình hình kinh doanh năm 2010 được trình bày trên báo cáo tài chính đính kèm được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán DTL.

4. Cam kết của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được lưu giữ một cách phù hợp để phản ánh với mức độ chính xác, hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ hệ thống và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và do đó thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ trường hợp nào có thể làm sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính, và không có bất kỳ một khoản đảm bảo nợ bằng tài sản nào hay khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính mà không được trình bày trong báo cáo tài chính và sổ sách, chứng từ kế toán của Công ty.

Vào ngày lập báo cáo này, không có bất kỳ tình huống nào có thể làm sai lệch các số liệu được phản ánh trên báo cáo tài chính của Công ty, và có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

5. Kiểm toán viên

Công ty kiểm toán DTL được chỉ định thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty.

6. Ý kiến của Tổng Giám đốc

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc Công ty, bằng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên của Công ty phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VIỆT HÙNG

Số: 11.272/BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: **Các thành viên Hội đồng Quản trị**
Các thành viên Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên của Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 21 kèm theo. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Trên cơ sở thử nghiệm, chúng tôi đã khảo sát một số bằng chứng làm căn cứ cho các số liệu chi tiết trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch Tân Định Fiditourist vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2011



ĐẶNG XUÂN CẢNH
Chứng chỉ KTV số Đ.0067/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẶNG THỊ HỒNG LOAN
Chứng chỉ KTV số 0425/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		132.171.385.717	86.569.494.140
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	37.379.639.805	32.865.689.892
1. Tiền	111		16.179.639.805	13.365.689.892
2. Các khoản tương đương tiền	112		21.200.000.000	19.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	59.018.000	10.046.062.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		225.650.862	10.212.694.862
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(166.632.862)	(166.632.862)
III. Các khoản phải thu	130	(5.3)	40.422.816.883	17.137.601.109
1. Phải thu khách hàng	131		31.687.108.763	14.026.318.471
2. Trả trước cho người bán	132		7.147.731.502	2.014.379.546
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		1.587.976.618	1.096.903.092
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		34.942.549.589	16.965.994.877
1. Hàng tồn kho	141	(5.4)	34.942.549.589	16.965.994.877
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		19.367.361.440	9.554.146.262
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.058.939.038	432.097.269
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		15.552.000	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	(5.5)	18.292.870.402	9.122.048.993

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		26.734.045.886	19.856.533.602
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		31.600.000	39.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		31.600.000	39.500.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		20.478.762.620	15.253.699.935
1. TSCĐ hữu hình	221	(5.6)	20.180.982.012	15.090.595.371
+ Nguyên giá	222		47.180.236.481	40.132.903.974
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.999.254.469)	(25.042.308.603)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	(5.7)	47.088.677	78.363.005
+ Nguyên giá	228		205.607.544	205.607.544
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(158.518.867)	(127.244.539)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		250.691.931	84.741.559
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.837.120.000	2.229.720.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	(5.8)	2.837.120.000	2.229.720.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.386.563.266	2.333.613.667
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.949.388.866	1.946.439.267
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		437.174.400	387.174.400
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		158.905.431.603	106.426.027.742

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		104.676.875.240	52.829.670.825
I. Nợ ngắn hạn	310		71.969.495.427	38.130.801.368
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	(5.9)	545.000.000	545.000.000
2. Phải trả người bán	312		9.626.546.777	3.299.211.371
3. Người mua trả tiền trước	313	(5.10)	45.125.645.442	27.319.705.126
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	(5.11)	2.213.215.005	1.890.841.978
5. Phải trả người lao động	315		2.950.970.261	1.677.063.918
6. Chi phí phải trả	316		2.031.853.383	756.610.961
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	(5.12)	8.373.849.238	1.982.638.859
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	(5.13)	1.102.415.321	659.729.155
II. Nợ dài hạn	330		32.707.379.813	14.698.869.457
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.093.445.510	933.235.410
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	(5.14)	31.613.934.303	13.765.634.047
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.228.556.363	53.596.356.917
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.15)	54.228.556.363	53.596.356.917
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.545.000.000	30.545.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.342.150.291	5.026.050.568
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.619.248.600	1.303.148.877
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		16.722.157.472	16.722.157.472
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		158.905.431.603	106.426.027.742

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
+ USD		81.137,51	33.278,66
+ EUR		-	-
+ SGD		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ HOÀNG HÀ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VIỆT HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	402.447.578.897	306.066.486.018
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	(6.1)	529.974.521	553.551.970
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	(6.1)	401.917.604.376	305.512.934.048
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	377.745.336.482	284.872.114.195
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		24.172.267.894	20.640.819.853
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	3.476.500.019	3.419.622.916
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	351.652.325	275.173.632
<i>trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		55.590.000	55.590.000
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(6.5)	19.237.526.952	16.175.958.808
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.059.588.636	7.609.310.329
11. Thu nhập khác	31		2.516.749.396	1.999.597.259
12. Chi phí khác	32		366.848.467	312.766.055
13. Lợi nhuận khác	40		2.149.900.929	1.686.831.204
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		10.209.489.565	9.296.141.533
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.6)	2.519.990.949	1.549.170.163
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		7.689.498.616	7.746.971.370
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.517	2.536

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỊ HOÀNG HÀ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VIỆT HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	10.209.489.565	9.296.141.533
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	3.533.866.829	3.163.021.706
Các khoản dự phòng	03	-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.924.934.760)	(3.088.291.514)
Chi phí lãi vay	06	55.590.000	55.590.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	9.874.011.634	9.426.461.725
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(32.463.689.183)	(3.957.772.559)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(17.976.554.712)	(6.419.137.379)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11	47.957.545.825	7.740.870.448
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.629.791.368)	468.516.219
Tiền lãi vay đã trả	13	-	(55.590.000)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2.422.569.988)	(291.536.836)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	822.155.904	458.759.264
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(1.217.558.808)	(1.564.744.544)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	2.943.549.304	5.805.826.338
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9.045.945.945)	(1.376.466.222)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	846.300.002	335.483.935
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(12.956.000)	(2.070.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	10.000.000.000	14.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(607.400.000)	(271.620.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.389.110.552	2.945.115.230
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	4.569.108.609	15.630.442.943

(Phần tiếp theo trang 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.998.708.000)	(5.498.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.998.708.000)	(5.498.100.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	4.513.949.913	15.938.169.281
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	32.865.689.892	16.927.520.611
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	37.379.639.805	32.865.689.892

KẾ TOÁN TRƯỞNG

LÊ THỊ HOÀNG HÀ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VIỆT HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Du Lịch Tân Định Fiditourist (dưới đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Quyết định số 4966/QĐ-UB ngày 07 tháng 10 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 ngày 24 tháng 01 năm 2005, và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần gần đây nhất vào ngày 04 tháng 07 năm 2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính Công ty đặt tại 127-129-12A Nguyễn Huệ, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.545.000.000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty: dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế. Môi giới vận tải. Kinh doanh vận chuyển khách theo hợp đồng bằng ô tô. Đại lý đối ngoại tệ. Kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn. Kinh doanh nhà hàng. Karaoke. Mua bán rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa, tàu thủy. Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà làm việc. Dịch vụ quảng cáo. Dịch vụ môi giới bất động sản. Kinh doanh vũ trường và massage. Thiết kế tạo mẫu. Kinh doanh nhà ở. Quản lý dự án công trình công nghiệp, dân dụng. Dịch vụ tư vấn bất động sản (trừ dịch vụ mang tính pháp lý). Tư vấn du học. Đào tạo dạy nghề. Đại lý bảo hiểm. Đại lý vận chuyển hàng hóa. Mua bán mỹ phẩm. Dịch vụ chăm sóc da (trừ các hoạt động dịch vụ gây chảy máu, xông hơi, xoa bóp). Cung cấp thông tin lên mạng internet.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản ký gửi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán hoặc chuyển đổi vào cuối năm tài chính được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

THUYẾT MINH BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.3. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

- Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được.

4.5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	4 - 12 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	5 - 12 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 12 năm
+ Tài sản cố định vô hình	2 - 4 năm

4.6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Số dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

4.7. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

- Chi phí phải trả được ghi nhận căn cứ vào các thông tin có được vào thời điểm cuối năm và các ước tính dựa vào thống kê kinh nghiệm.
- Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

4.8. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế:

+ Quỹ đầu tư phát triển được trích với tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế sau khi trừ cổ tức.

+ Quỹ dự phòng tài chính được trích với tỷ lệ 20% lợi nhuận sau thuế sau khi trừ cổ tức.

+ Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích với tỷ lệ 60% lợi nhuận sau thuế sau khi trừ cổ tức.

4.9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành
- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại: Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.
- Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003065 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 01 năm 2005 thì Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi (năm 2005 đến năm 2006) và được giảm 50% trong 3 năm tiếp theo (năm 2007 đến năm 2009).
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.11. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của năm tài chính này, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bảng cân đối kế toán (trích)

	Đầu năm	Đầu năm
	(Phân loại lại)	(Đã được trình bày trước đây)
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1,982,638,859	15,431,172,906
Phải trả dài hạn khác	933,235,410	1,250,335,410
Doanh thu chưa thực hiện	13,765,634,047	-

Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/NQĐHCD.FIDI.2010 ngày 21 tháng 4 năm 2010, Công ty đã tách mệnh giá cổ phần từ 100.000 đồng/cổ phần thành 10.000 đồng/cổ phần, do vậy kết quả hoạt động kinh doanh và thuyết minh báo cáo tài chính năm trước được trình bày lại như sau:

Kết quả hoạt động kinh doanh (trích)

	Năm trước	Năm trước
	(Đã được trình bày lại)	(Đã được trình bày trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.536	25.362

Thuyết minh báo cáo tài chính (trích)

	Năm trước	Năm trước
	(Đã được trình bày lại)	(Đã được trình bày trước đây)
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.054.500	305.450
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán	3.054.500	305.450
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	3.054.500	305.450
<u>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</u>		
Lợi nhuận sau thuế của Công ty	7.746.971.370	7.746.971.370
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.054.500	305.450
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.536	25.362

5. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên bảng cân đối kế toán

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Cuối năm	Đầu năm
Tiền mặt	4.532.662.981	5.481.270.572
Tiền gửi ngân hàng	11.646.976.824	7.884.419.320
Các khoản tương đương tiền	21.200.000.000	19.500.000.000
Tổng cộng	37.379.639.805	32.865.689.892

5.2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	225.650.862	212.694.862
Tiền gửi có kỳ hạn	-	10.000.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư ngắn hạn	225.650.862	10.212.694.862
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(166.632.862)	(166.632.862)
Giá trị thuần của đầu tư tài chính ngắn hạn	59.018.000	10.046.062.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Cuối năm	Đầu năm
Phải thu khách hàng	31.687.108.763	14.026.318.471
Trả trước cho người bán	7.147.731.502	2.014.379.546
Các khoản phải thu khác	1.587.976.618	1.096.903.092
Cộng các khoản phải thu ngắn hạn	40.422.816.883	17.137.601.109
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Giá trị thuần của các khoản phải thu	40.422.816.883	17.137.601.109

Phải thu khách hàng là các khoản phải thu thương mại phát sinh trong điều kiện kinh doanh bình thường của Công ty.

Các khoản phải thu khách hàng được chi tiết như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Khách hàng mua vé máy bay	18.043.840.962	9.124.319.454
Khách hàng mua vé tour	13.041.134.445	4.567.490.469
Các khách hàng khác	602.133.356	334.508.548
Cộng	31.687.108.763	14.026.318.471

5.4. Hàng tồn kho

	Cuối năm	Đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	60.019.263	54.837.222
Công cụ, dụng cụ	126.533.400	26.592.450
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	34.605.686.093	16.697.534.057
Hàng hóa	150.310.833	187.031.148
Cộng giá gốc hàng tồn kho	34.942.549.589	16.965.994.877
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện	34.942.549.589	16.965.994.877

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu là chi phí các tour đã thực hiện trong năm 2010 nhưng chưa quyết toán xong là 34.445.545.068 đồng.

5.5. Tài sản ngắn hạn khác

Chủ yếu là khoản tạm ứng cho cán bộ nhân viên để thực hiện các tour du lịch.

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	ĐVT: ngàn đồng				
	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	23.750.387	6.317.050	7.237.503	2.827.964	40.132.904
Mua trong năm	217.768	551.430	4.756.614	151.345	5.677.157
Đầu tư XDCB hoàn thành	3.226.298	-	-	-	3.226.298
Thanh lý, nhượng bán	-	(341.760)	(1.356.653)	(157.710)	(1.856.123)
Số dư cuối năm	27.194.453	6.526.720	10.637.464	2.821.599	47.180.236

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	16.106.061	4.169.584	3.032.499	1.734.165	25.042.309
Khấu hao trong năm	1.668.016	460.987	1.083.071	290.517	3.502.591
Thanh lý, nhượng bán	-	(340.975)	(1.092.998)	(111.673)	(1.545.646)
Số dư cuối năm	17.774.077	4.289.596	3.022.572	1.913.009	26.999.254
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	7.644.326	2.147.466	4.205.004	1.093.799	15.090.595
Tại ngày cuối năm	9.420.376	2.237.124	7.614.892	908.590	20.180.982

5.7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Số dư đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	ĐVT: ngàn đồng	
				Số dư cuối năm	
Nguyên giá	205.608	-	-	205.608	
Khấu hao lũy kế	127.245	31.274	-	158.519	
Giá trị còn lại	78.363	-	-	47.089	

5.8. Đầu tư dài hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
Đầu tư cổ phiếu của các đơn vị sau:		
Công ty Cổ phần du lịch Bình Châu	2.237.120.000	1.629.720.000
Công ty Cổ phần Sài Gòn Sông Cầu	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần du lịch và thương mại DIC	400.000.000	400.000.000
Cộng giá gốc các khoản đầu tư dài hạn	2.837.120.000	2.229.720.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	2.837.120.000	2.229.720.000

5.9. Vay ngắn hạn

Là khoản vay ngắn hạn của Viện kiểm sát Nhân dân Quận 1 với lãi suất cho vay là 0,85%/tháng và không có đảm bảo bằng tài sản.

5.10. Người mua trả tiền trước

	Cuối năm	Đầu năm
Khách hàng ứng trước tiền tour năm nay	34.686.820.458	17.051.438.491
Khách hàng ứng trước tiền tour năm sau	9.329.464.935	9.270.641.467
Khác	1.109.360.049	997.625.168
Tổng cộng	45.125.645.442	27.319.705.126

Khách hàng ứng trước tiền tour du lịch năm nay là doanh thu các tour du lịch trong năm đã hoàn thành nhưng chưa xuất hóa đơn cho khách hàng để ghi nhận doanh thu do chưa tập hợp đủ chi phí để ghi nhận giá vốn

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Cuối năm	Đầu năm
Thuế giá trị gia tăng	1.292.279.363	189.887.273
Thuế tiêu thụ đặc biệt	15.352.693	6.136.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp	722.654.352	1.549.170.164
Thuế thu nhập cá nhân	182.928.597	145.648.081
Tổng cộng	2.213.215.005	1.890.841.978

5.12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Cuối năm	Đầu năm
KPCĐ, BHXH, BHYT, BHTN	914.088.846	666.513.291
Phải trả về cổ phần hóa	317.100.000	317.100.000
Cổ tức phải trả	3.110.292.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.032.368.392	999.025.568
Tổng cộng	8.373.849.238	1.982.638.859

5.13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	659.729.155	898.835.169
Trích lập trong năm	948.299.170	966.682.548
Sử dụng trong năm	(505.613.004)	(1.205.788.562)
Số dư cuối năm	1.102.415.321	659.729.155

5.14. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu các tour du lịch đã hoàn thành và đã xuất hóa đơn cho khách hàng. Tuy nhiên, do chưa tập hợp đủ chi phí để ghi nhận giá vốn, do đó chưa thể ghi nhận doanh thu trong năm nay.

5.15. Vốn chủ sở hữu

5.15.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.545.000	4.041.303	1.005.708	16.722.157	52.314.168
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	7.746.971	7.746.971
Trích các quỹ trong năm trước	-	984.748	297.441	(2.248.871)	(966.682)
Chia cổ tức	-	-	-	(5.498.100)	(5.498.100)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	30.545.000	5.026.051	1.303.149	16.722.157	53.596.357

ĐVT: ngàn đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Tăng vốn năm nay	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	7.689.499	7.689.499
Trích các quỹ trong năm trước	-	316.100	316.100	(1.580.499)	(948.299)
Chi cổ tức	-	-	-	(6.109.000)	(6.109.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	30.545.000	5.342.151	1.619.249	16.722.157	54.228.557

5.15.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Vốn góp của Nhà nước	6.000.000.000	6.000.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	24.545.000.000	24.545.000.000
Tổng cộng	30.545.000.000	30.545.000.000

5.15.3. Phân phối lợi nhuận

	Cuối năm	Đầu năm
Tại thời điểm đầu năm	16.722.157.472	16.722.157.472
Lợi nhuận sau thuế trong năm	7.689.498.616	7.746.971.370
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(316.099.723)	(984.748.038)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(316.099.723)	(297.440.784)
Trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi	(948.299.170)	(966.682.548)
Chia cổ tức	(6.109.000.000)	(5.498.100.000)
Tổng cộng	16.722.157.472	16.722.157.472

5.15.4. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đăng ký phát hành	3.054.500	3.054.500
▪ Số lượng cổ phần đã bán	3.054.500	3.054.500
▪ Số lượng cổ phần phổ thông đang lưu hành	3.054.500	3.054.500
▪ Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần.		

Mệnh giá cổ phần của Công ty được tách từ 100.000 đồng/cổ phần thành 10.000 đồng/cổ phần theo Nghị quyết Đại hội cổ đông số 01/NQĐHCĐ.FIDI.2010 ngày 21 tháng 4 năm 2010.

5.15.5. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của Công ty	7.689.498.616	7.746.971.370
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.054.500	3.054.500
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	2.517	2.536

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ khách sạn	9.738.003.629	8.970.469.190
Doanh thu cung cấp dịch vụ ăn uống	10.543.448.571	10.851.985.475
Doanh thu cung cấp dịch vụ hướng dẫn du lịch	307.481.260.167	226.395.324.225
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	7.511.681.391	4.370.051.556
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	67.173.185.139	55.478.655.571
Hàng bán bị trả lại	(293.639.137)	(320.951.353)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(236.335.384)	(232.600.616)
Doanh thu thuần	401.917.604.376	305.512.934.048

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của dịch vụ khách sạn	4.029.074.217	3.267.463.025
Giá vốn của dịch vụ ăn uống	7.854.097.044	8.126.171.182
Giá vốn của dịch vụ hướng dẫn du lịch	290.756.541.782	212.394.710.551
Giá vốn của dịch vụ vận chuyển	6.080.400.586	3.673.058.810
Giá vốn của dịch vụ khác	58.701.910.428	49.033.630.592
Giá vốn kinh doanh chi phí chung	10.323.312.425	8.377.080.035
Tổng cộng	377.745.336.482	284.872.114.195

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	3.230.993.475	2.945.115.230
Cổ tức, lợi nhuận được chia	158.117.077	173.249.000
Lãi do thu đổi ngoại tệ	87.389.467	300.466.497
Khác	-	792.189
Tổng cộng	3.476.500.019	3.419.622.916

6.4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	55.590.000	55.590.000
Lỗ do thu đổi ngoại tệ	296.062.325	219.583.632
Tổng cộng	351.652.325	275.173.632

(Phần tiếp theo ở trang 20)

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	11.454.171.151	9.483.249.698
Chi phí đồ dùng văn phòng	335.117.564	442.718.017
Chi phí khấu hao	543.716.442	242.773.025
Chi phí dịch vụ mua ngoài	123.164.785	97.675.037
Chi phí khác	6.781.357.010	5.909.543.031
Tổng cộng	19.237.526.952	16.175.958.808

6.6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	10.209.489.565	9.296.141.533
Cộng các khoản điều chỉnh tăng	28.591.308	120.457.919
Trừ cổ tức nhận được	(158.117.077)	(173.249.000)
Trừ thu nhập khác	(3.476.500.019)	(3.150.010.855)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	6.603.463.777	6.093.339.597
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	1.650.865.944	1.523.334.899
Trừ thuế TNDN được miễn giảm theo GPKD	-	(761.667.450)
Cộng khoản thuế từ thu nhập khác	869.125.005	787.502.714
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.519.990.949	1.549.170.163

Các khoản điều chỉnh tăng, giảm thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí được trừ khi tính thuế.

7. Thông tin về các bên có liên quan

Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	200.000.000	186.000.000
Thu nhập Ban Giám đốc	1.123.565.500	1.037.000.000
Tổng cộng	1.323.565.500	1.223.000.000

8. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

9. Các thông tin thuyết minh khác

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty đã áp dụng các quy định này cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2010 trở đi.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH TÂN ĐỊNH FIDITOURIST
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 24 tháng 02 năm 2011.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 02 năm 2011

KẾ TOÁN TRƯỞNG



LÊ THỊ HOÀNG HÀ

TỔNG GIÁM ĐỐC



NGUYỄN VIỆT HÙNG